

ĐẾN

Số: 6920  
Ngày: 11/9/2019

## THÔNG BÁO

### VỀ VIỆC CÔNG KHAI PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI THU HỒI ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: Thủy điện Plei Kần, tỉnh Kon Tum (đợt 5).

Căn cứ Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 22/01/2015 của UBND tỉnh Kon Tum ban hành quy định về việc thực hiện dân chủ trong công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi triển khai dự án đầu tư;

Trên cơ sở Biên bản kiểm kê khối lượng tài sản thực tế giữa Trung tâm phát triển quỹ đất, đại diện UBND thị trấn Plei Kần và các hộ gia đình, cá nhân có đất và tài sản bị ảnh hưởng. Nay Trung tâm phát triển quỹ đất thông báo, niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất xây dựng công trình: Thủy điện Plei Kần, tỉnh Kon Tum (đợt 5).

1. Nội dung niêm yết công khai gồm:

a. Tên công trình: Thủy điện Plei Kần, tỉnh Kon Tum.

b. Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Tấn Phát.

c. Địa điểm niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ: Công ty CP Tấn Phát, UBND thị trấn Plei Kần; hội trường tổ dân phố 3-thị trấn Plei Kần, hội trường thôn 6-thị trấn Plei Kần và Trích sao phương án được gửi đến từng hộ gia đình, cá nhân có đất và tài sản bị ảnh hưởng.

d. Thời gian niêm yết: Từ ngày 11/9/2019 đến hết ngày 01/10/2019.

e. Nội dung phương án bồi thường, hỗ trợ niêm yết công khai (có bảng tổng hợp chi tiết phương án bồi thường, hỗ trợ công khai kèm theo), gồm: Họ và tên, địa chỉ chủ sử dụng đất; Nội dung, giá trị bồi thường ...

2. Hình thức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ: Họp trực tiếp với các hộ gia đình, cá nhân có đất và tài sản bị ảnh hưởng trong khu vực bị thu hồi.

Trung tâm phát triển quỹ đất kính đề nghị UBND thị trấn Plei Kần, tổ trưởng tổ dân phố 3-thị trấn Plei Kần, thôn trưởng thôn 6-thị trấn Plei Kần niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và thông báo đến các hộ gia đình, cá nhân có đất và tài sản bị ảnh hưởng của dự án được biết, phối hợp thực hiện.

#### Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và Môi trường (thay b/c);
- Ban dân vận huyện ủy huyện Ngọc Hồi;
- UBMT TQVN huyện Ngọc Hồi;
- UBND huyện Ngọc Hồi;
- UBMT TQVN thị trấn Plei Kần;
- UBND thị trấn Plei Kần (t/b, n/yết);
- Công ty CP Tấn Phát (đ/b);
- Thôn trưởng thôn 6 (t/b, n/yết);
- Tổ trưởng tổ 3-thị trấn Plei Kần (t/báo, n/yết);
- Các hộ gia đình, cá nhân có đất và tài sản bị ảnh hưởng (đ/biết, t/hiện);
- Lưu: VT, P.BT-GPMB.



Dặng Thị Trang



**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CÔNG KHAI KHI THU HỒI ĐẤT  
XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: THỦY ĐIỆN PLEI KÀN, TỈNH KON TUM -  
ĐỢT 5.**

**Phần I: KHÁI QUÁT CHUNG**

**I. Tên dự án:**

- Tên dự án: Thủy điện Plei Kàn, tỉnh Kon Tum.
- Đơn vị chủ đầu tư: Công ty cổ phần Tấn Phát.

**II. Nguồn vốn và thời gian thực hiện:**

- Nguồn vốn: Từ dự án
- Thời gian thực hiện: 24 tháng (2016-2018).

**III. Căn cứ thu hồi đất:**

Căn cứ Quyết định số 1225/QĐ-UBND ngày 17/10/2016 của UBND tỉnh KonTum về Quyết định chủ trương đầu tư dự án thủy điện Plei Kàn;

Căn cứ Quyết định số 19/2016/QĐ-HĐQT ngày 18/10/2016 của Công ty cổ phần Tấn Phát về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Thủy điện Plei Kàn - tỉnh KonTum;

Căn cứ Quyết định số 822/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của UBND huyện Ngọc Hồi về việc phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình: Nhà máy thủy điện Plei Kàn, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum và các Thông báo thu hồi đất của các hộ dân từ Thông báo số 64-132/TB-UBND về việc Thông báo thu hồi đất để xây dựng công trình: Nhà máy thủy điện Plei Kàn huyện Ngọc Hồi, tỉnh KonTum.

**IV. Phạm vi, địa điểm, vị trí thu hồi đất:**

1. Phạm vi thu hồi đất: Thị trấn Plei Kàn, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.
2. Khối lượng giải phóng mặt bằng:
  - Tổng diện tích thu hồi đất xây dựng công trình: 292.642,4 m<sup>2</sup> (theo Thông báo thu hồi đất).
  - Diện tích đất thu hồi 04 hộ theo phương án: 18.003 m<sup>2</sup>.
3. Địa điểm lập phương án: Thị trấn Plei Kàn, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.
4. Khối lượng giải phóng mặt bằng theo phương án: Tổng số hộ bị thiệt hại về đất, công trình xây dựng, cây trồng: 04 hộ gia đình, cá nhân.

**V. Căn cứ xây dựng phương án bồi thường:**



Căn cứ Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013; Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017 về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 72/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2015 - 2019) trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành quy định cụ thể một số nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 22/01/2015 của UBND tỉnh Kon Tum ban hành quy định về việc thực hiện dân chủ trong công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi triển khai dự án đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 20/2015/QĐ-UBND ngày 24/4/2015 của UBND tỉnh Kon Tum về việc sửa đổi điểm A Khoản 2 Điều 8 của Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định 53/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của UBND tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 03/01/2018 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường xây dựng công trình: Nhà máy thủy điện Plei Kần, tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 30/2018/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND tỉnh Kon Tum Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều 9 của Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014;

Căn cứ Quyết định số 35/2018/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh Kon Tum về việc Ban hành bảng đơn giá các loại cây trồng trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND, ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành bảng đơn giá nhà, công trình xây dựng năm 2019 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

## **Phần II: MỨC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**

### **A. MỨC BỒI THƯỜNG:**

#### **I. Bồi thường đất:**

1. Khái quát nguồn gốc đất: Nguồn gốc đất tại khu vực bị thu hồi của các hộ gia đình, cá nhân là nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho và khai hoang.

2. Đối tượng, điều kiện được bồi thường về đất: Theo Điều 75, Luật đất đai số 45/2013/QH13 của Quốc hội; theo Điều 12, Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

3. Xác định loại đất: Theo điều 11, Luật đất đai số 45/2013/QH13 của Quốc hội; Theo Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013.

4. Đơn giá tính bồi thường về đất:

- Bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất.

- Đơn giá áp dụng bồi thường căn cứ theo Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 03/01/2018 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường xây dựng công trình: Nhà máy thủy điện Plei Kần, tỉnh KonTum.

#### **II. Bồi thường nhà ở, công trình xây dựng trên đất:**

1. Đối tượng được bồi thường: Khi Nhà nước thu hồi đất mà chủ sở hữu tài sản hợp pháp gắn liền với đất bị thiệt hại về tài sản thì được bồi thường.

2. Mức bồi thường: Đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất phải tháo dỡ toàn bộ hoặc một phần mà phần còn lại không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật thì chủ sở hữu nhà ở, công trình đó được bồi thường bằng giá trị xây dựng mới của nhà ở, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương. Giá xây dựng mới của nhà, công trình được tính theo diện tích xây dựng của nhà, công trình nhân với đơn giá xây dựng mới của nhà, công trình do UBND cấp tỉnh ban hành.

3. Đơn giá áp dụng bồi thường:

Đơn giá áp dụng bồi thường căn cứ theo Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND, ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành bảng đơn giá nhà, công trình xây dựng năm 2019 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

#### **III. Bồi thường cây trồng:**

1. Đối tượng được bồi thường:

Các loại cây trồng có trước thời gian thông báo thu hồi đất thì được bồi thường. Trường hợp các loại cây trồng phát sinh sau thời điểm có Thông báo thu hồi đất thì không được bồi thường.

2. Đơn giá áp dụng bồi thường:

TRU  
3 TÂM  
TRIỆM  
ĐẤT  
\* WNU

Đơn giá áp dụng bồi thường căn cứ theo Quyết định số 35/2018/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành Bảng đơn giá các loại cây trồng trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2019.

## **B. MỨC HỖ TRỢ:**

Áp dụng theo Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND, ngày 19/9/2014 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp.

Theo điều 9, Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành quy định cụ thể một số nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum và Quyết định số 30/2018/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND tỉnh Kon Tum Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều 9 của Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014:

“Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (*trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp*) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất nông nghiệp thu hồi còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Mức hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương (riêng đất lúa nước áp dụng mức hỗ trợ bằng 3 lần).

## **C. TỔNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:**

**I. Tổng số hộ gia đình, cá nhân được bồi thường, hỗ trợ: 04 hộ.**

**II. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi phí thực hiện: 1.109.450.621 đồng.** (*Bằng chữ: Một tỷ, một trăm lẻ chín triệu, bốn trăm năm mươi nghìn, sáu trăm hai mươi một đồng*).

### **Trong đó:**

1. Giá trị bồi thường về đất:	269.963.180 đồng.
2. Giá trị bồi thường về nhà ở, công trình xây dựng:	186.628.207 đồng.
3. Giá trị bồi thường về cây trồng:	272.690.700 đồng.
4. Giá trị các khoản hỗ trợ:	358.414.600 đồng.
5. Chi phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ:	21.753.934 đồng.

## **PHẦN III:**

## **BÁO CÁO THUYẾT MINH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**

Đối với thửa đất số 51 tờ bản đồ số 9 và thửa đất số 1 tờ bản đồ số 11 do hộ gia đình ông Mai Văn ý đang quản lý sử dụng, do hộ gia đình chưa cung cấp Đơn xác nhận trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp nên Trung tâm phát triển quỹ đất không có cơ sở lập phương án Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp của 02 thửa đất nói trên. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho hộ gia đình khi Nhà nước thu hồi đất, Trung tâm phát triển quỹ đất đề nghị hộ gia đình ông Mai Văn ý sớm cung cấp Đơn xác nhận trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp để Trung tâm phát triển quỹ đất hoàn thiện hồ sơ, hoàn thiện phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình.

Trung tâm phát triển quỹ đất công khai phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất để xây dựng công trình: Thủy điện Plei Kần, tỉnh Kon Tum. Trong quá trình niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ Trung tâm phát triển quỹ đất sẽ tiếp nhận ý kiến đóng góp về nội dung phương án. Ý kiến đóng góp theo mẫu do Trung tâm cung cấp, ý kiến gửi về UBND thị trấn Plei Kần (qua cán bộ địa chính) để tổng hợp, hoàn chỉnh phương án trình Hội đồng thẩm định huyện Ngọc Hồi thẩm định và trình UBND huyện Ngọc Hồi phê duyệt.

**Nơi nhận:**

- Sở Tài nguyên và Môi trường (thay b/c);
- Ban dân vận huyện ủy huyện Ngọc Hồi;
- UBMT TQVN huyện Ngọc Hồi;
- UBND huyện Ngọc Hồi;
- UBMT TQVN thị trấn Plei Kần;
- UBND thị trấn Plei Kần (t/b, n/yết);
- Công ty CP Tân Phát (đ/b);
- Thôn trưởng thôn 6 (t/báo, n/yết);
- Tổ trưởng tổ 3-thị trấn Plei Kần (t/báo, n/yết);
- Các hộ gia đình, cá nhân có đất và tài sản bị ảnh hưởng (đ/biết, t/hiện);
- Lưu: VT, P.BT-GPMB.



Dặng Thị Trang







**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CÔNG KHAI**

**DỰ ÁN: THỦY ĐIỆN PLEI KÀN, TỈNH KON TUM - ĐỢT 5**

**ĐỊA ĐIỂM: THỊ TRẤN PLEI KÀN, HUYỆN NGỌC HỒI, TỈNH KON TUM**

(Kèm theo Thông báo số: 34/TB-TTPTQĐ và Phương án số: 18 /PA-TTPTQĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Trung tâm phát triển quỹ đất)

Đơn vị tính: Đồng

TT	TÊN CHỦ HỘ VÀ NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN
1	Huỳnh Tấn Kiện - Trương Thị Một (Vợ)	Tổ 3, Thị trấn Plei Kàn				494,675,839
	- Diện tích đất trồng cây lâu năm bị thu hồi (thửa số 1 tờ bản đồ số 17)	m2	4,895.80	16,700	100%	81,759,860
	- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm, tại điều 9, Quyết định số: 53/2014/QĐ-UBND, ngày 19/9/2014 của UBND tỉnh Kon Tum.	m2	4,895.80	10,000	200%	97,916,000
	- Nhà kho trên nương rẫy, mái tôn kẽm, tường xây gạch không trát, không quét vôi, nền xi măng, móng gạch, không cửa, không trần, tường 100 mm (vận dụng mục 49; Hệ số bù cước vận chuyển 1,05)	m2	39.20	1,169,669	100%	45,851,005
	- Tường rào xây gạch (vận dụng mục 132; Hệ số bù cước vận chuyển 1,05)	md	8.38	458,693	100%	3,842,824
	- Giếng đào nền xi măng, thành đúc buy BT D=1m (phần thả bọng bê tông sâu 1 m, phần giếng đào đất sâu 6,5 m)	ms	7.50			
	+ Phần thả bọng bê tông sâu 1 m (vận dụng mục 148)	ms	1.00	944,300	100%	944,300
	+ Phần đào đất sâu 6,5 m (vận dụng mục 149)	ms	6.50	538,720	100%	3,501,680



TT	TÊN CHỦ HỘ VÀ NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN
	- Mái hiên khung gỗ, mái tôn kẽm, nền xi măng (vận dụng mục 125; Hệ số bù cước vận chuyển 1,05)	m2	8.40	531,342	100%	4,463,273
	- Cao su bầu đặt hạt kinh doanh 5 năm (936,94m2)	Cây	52.00	466,500	100%	24,258,000
	- Cao su bầu đặt hạt kinh doanh 1 năm (1441,44m2 )	Cây	80.00	466,500	100%	37,320,000
	- Cà phê vối kinh doanh 6 năm (700m2)	Cây	77.00	600,000	100%	46,200,000
	- Bồi lời thời kỳ thu hoạch (16m2)	Cây	4.00	14,000	100%	56,000
	+ <i>Hỗ trợ chênh lệch về đơn giá bồi thường giữa Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ngày 09/2/2018 và Quyết định số 35/2018/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh Kon Tum theo nội dung Văn bản số 1322/UBND-NNTN ngày 31/5/2019 của UBND tỉnh Kon Tum.</i>	Cây	4.00	86,000	100%	344,000
	- Le 06 năm (Vận dụng điểm 67, phụ lục 01 kèm theo Quyết định số 35/2018/QĐ-UBND ngày 29/12/2018 của UBND tỉnh Kon Tum; 333,33m2)	Bụi	9.00	170,000	100%	1,530,000
	- Cây rừng 11 năm (18,18m2) (vận dụng đơn giá cây muồng theo Văn bản số 785/SNN-KH ngày 15/5/2019 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn)	Cây	2.00	59,000	100%	118,000
	- Xoài chăm sóc năm 02 (23,81m2)	Cây	1.00	190,000	100%	190,000
	- Xoài kinh doanh năm 01 (190,48m2)	Cây	8.00	730,000	100%	5,840,000
	- Chuối (Kiểm kê thực tế 295 bụi, số bụi theo mật độ 190, số bụi vượt mật độ 105 bụi; Tổng số cây chuối kiểm kê thực tế 13+320+529 = 862 cây => Trung bình 1 bụi có 862/295=2,9 làm tròn 3 cây) Diện tích 4895,8-39,2-8,4-936,94-1441,44-700-16-333,33-18,18-23,81-190,48=1188m2	Bụi	190.00			

TT	TÊN CHỦ HỘ VÀ NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN
	<i>Chuối có buồng</i>	<i>Cây</i>	<i>13.00</i>	<i>100,000</i>	<i>100%</i>	<i>1,300,000</i>
	<i>Chuối trưởng thành</i>	<i>Cây</i>	<i>320.00</i>	<i>80,000</i>	<i>100%</i>	<i>25,600,000</i>
	<i>Chuối cây con kiểm kê thực tế 529 cây, số cây vượt mật độ 105X3=315 cây, số cây theo mật độ chuẩn 529-315 =214 cây</i>	<i>Cây</i>	<i>214.00</i>	<i>45,000</i>	<i>100%</i>	<i>9,630,000</i>
	- Diện tích đất trồng cây lâu năm bị thu hồi (thửa số 2 tờ số 17)	m2	291.90	16,700	100%	4,874,730
	- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm, tại điều 9, Quyết định số: 53/2014/QĐ-UBND, ngày 19/9/2014 của UBND tỉnh Kon Tum.	m2	291.90	10,000	200%	5,838,000
	- Ao tự nhiên	m2	293.87	37,980	100%	11,160,993
	- Diện tích đất trồng cây hàng năm bị thu hồi (thửa số 25 tờ số 15)	m2	2,032.90	16,060	100%	32,648,374
	- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm, tại điều 9, Quyết định số: 53/2014/QĐ-UBND, ngày 19/9/2014 của UBND tỉnh Kon Tum.	m2	2,032.90	11,000	200%	44,723,800
	- Chuối	Bụi	20.00			
	+ <i>Chuối có buồng</i>	<i>Cây</i>	<i>2.00</i>	<i>100,000</i>	<i>100%</i>	<i>200,000</i>
	+ <i>Chuối trưởng thành</i>	<i>Cây</i>	<i>34.00</i>	<i>80,000</i>	<i>100%</i>	<i>2,720,000</i>
	+ <i>Chuối cây con</i>	<i>Cây</i>	<i>41.00</i>	<i>45,000</i>	<i>100%</i>	<i>1,845,000</i>
<b>2</b>	<b>Vũ Văn Am - Trần Thị Vân Anh (vợ)</b>	<b>Tổ 3, Thị trấn Plei Kần</b>				<b>396,609,083</b>
	- Diện tích đất trồng cây lâu năm bị thu hồi thửa số 19 tờ bản đồ số 15	m2	319.80	16,700	100%	5,340,660

ỒI TA  
 JNG T  
 ÁT TR  
 ỦY Đ  
 S ★

TT	TÊN CHỦ HỘ VÀ NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN
	- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm, tại điều 9, Quyết định số: 53/2014/QĐ-UBND, ngày 19/9/2014 của UBND tỉnh Kon Tum.	m2	319.80	10,000	200%	6,396,000
	- Ao đào sâu 1,3m	m3	415.74	95,060	100%	39,520,244
	- Diện tích đất bị thu hồi thửa số 22 tờ bản đồ số 15	m2	2,484.20			
	+ Diện tích đất trồng cây lâu năm bị thu hồi thửa số 22 tờ bản đồ số 15	m2	1,458.30	16,700	100%	24,353,610
	+ Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm, tại điều 9, Quyết định số: 53/2014/QĐ-UBND, ngày 19/9/2014 của UBND tỉnh Kon Tum.	m2	1,458.30	10,000	200%	29,166,000
	+ Diện tích đất lúa 2 vụ bị thu hồi thửa số 22 tờ bản đồ số 15	m2	1,025.90	29,520	100%	30,284,568
	+ Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm theo Quyết định số 30/2018/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND tỉnh Kon Tum sửa đổi, bổ sung Điều 9 của quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số: 53/2014/QĐ-UBND, ngày 19/9/2014 của UBND tỉnh Kon Tum.	m2	1,025.90	24,000	300%	73,864,800
	- Giếng thành xây gạch cao 0,6m; giếng đất sâu 1,3m; đường kính giếng 1,3m; giếng nền đất	ms	1.30	511,900	100%	665,470

TT	TÊN CHỦ HỘ VÀ NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN
	- Nhà kho trên rẫy mái tôn lạnh, tường xây gạch, trát vữa xi măng, không quét vôi, nền láng vữa xi măng, móng gạch, cửa khung sắt ốp tôn, tường dày 10cm, không trần, cao 2m (vận dụng mục 49; Hệ số bù cước vận chuyển)	m2	44.17	1,284,119	100%	56,719,514
	- Mái hiên khung sắt, mái tôn kẽm, trụ bê tông, nền láng vữa xi măng (vận dụng mục 121, hệ số bù cước vận chuyển)	m2	12.87	621,936	100%	8,004,316
	- Ống nước nhựa phi 60 mm	md	49.00	102,050	100%	5,000,450
	- Chuối	Bụi	67.00		100%	-
	+ Chuối có buồng	Cây	25.00	100,000	100%	2,500,000
	+ Chuối trưởng thành	Cây	92.00	80,000	100%	7,360,000
	+ Chuối cây con	Cây	402.00	45,000	100%	18,090,000
	- Cà phê thu hoạch năm 3	Cây	55.00	600,000	100%	33,000,000
	- Vải thu hoạch năm 3	Cây	3.00	730,000	100%	2,190,000
	- Vải chăm sóc năm 3	Cây	8.00	260,000	100%	2,080,000
	- Thanh long trụ gỗ trồng 1 năm	Trụ	29.00			
	+ Trụ gỗ	Trụ	29.00	200,000	100%	5,800,000
	+ Thanh long trồng 1 năm	Gốc	29.00	49,000	100%	1,421,000
	- Tiêu chăm sóc năm 2	Gốc	41.00	120,000	100%	4,920,000
	- Cây gòn trồng 3 năm (làm trụ tiêu)	Cây	41.00	200,000	100%	8,200,000
	- Ổi thu hoạch năm 3	Cây	6.00	150,000	100%	900,000
	- Ổi chăm sóc năm 2	Cây	4.00	57,000	100%	228,000
	- Chanh thu hoạch năm 1	Cây	3.00	360,000	100%	1,080,000

TT	TÊN CHỦ HỘ VÀ NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN
	- Mật thu hoạch năm 3	Cây	1.00	360,000	100%	360,000
	- Xoài chăm sóc năm 4	Cây	1.00	330,000	100%	330,000
	- Xoài chăm sóc năm 3	Cây	5.00	260,000	100%	1,300,000
	- Bồi lời thời kỳ thu hoạch	Cây	3.00	14,000	100%	42,000
	- Hỗ trợ chênh lệch về đơn giá bồi thường cây bồi lời giữa Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND và Quyết định số 35/2018/QĐ-UBND theo Văn bản 1322/UBND-NNTN ngày 31/5/2019 của UBND tỉnh Kon Tum.	Cây	3.00	86,000	100%	258,000
	- Mật gấu trồng 3 năm	Gốc	1.00		100%	-
	- Chôm chôm kinh doanh năm 2	Cây	2.00	730,000	100%	1,460,000
	- Tre lấy măng 3 năm	Bụi	2.00	116,000	100%	232,000
	- Diện tích đất lúa 2 vụ bị thu hồi thửa số 21 tờ bản đồ số 15	m2	183.10	29,520	100%	5,405,112
	- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Quyết định số 30/2018/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND tỉnh Kon Tum Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều 9 của Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014.	m2	183.10	24,000	300%	13,183,200
	- Ao tự nhiên	m2	183.10	37,980	100%	6,954,138
3	<b>Nguyễn Văn Diễm</b>	<b>Thôn 6, Thị trấn Plei Kân</b>				<b>162,983,564</b>

TT	TÊN CHỦ HỘ VÀ NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN
	- Diện tích đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác bị thu hồi thửa số 5 tờ bản đồ số 11	m2	1,307.70	16,060	100%	21,001,662
	- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm, tại điều 9, Quyết định số: 53/2014/QĐ-UBND, ngày 19/9/2014 của UBND tỉnh Kon Tum.	m2	1,307.70	11,000	200%	28,769,400
	- Mi có củ	m2	1,307.70	3,000	100%	3,923,100
	- Diện tích đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác bị thu hồi thửa số 14 tờ bản đồ số 11	m2	2,661.70	16,060	100%	42,746,902
	- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm, tại điều 9, Quyết định số: 53/2014/QĐ-UBND, ngày 19/9/2014 của UBND tỉnh Kon Tum.	m2	2,661.70	11,000	200%	58,557,400
	- Mi có củ	m2	2,661.70	3,000	100%	7,985,100
<b>4</b>	<b>Mai Văn Ý</b>	<b>Thôn 6, Thị trấn Plei Kần</b>				<b>33,428,202</b>
	- Diện tích đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác bị thu hồi thửa số 51 tờ bản đồ số 9	m2	1,198.80	16,060	100%	19,252,728
	- Cao su kinh doanh năm 2	Cây	21.00	466,500	100%	9,796,500
	- Cây lấy gỗ 15 năm (vận dụng đơn giá cây muồng theo Văn bản số 785/SNN-KH ngày 15/5/2019 của Sở Nông nghiệp về việc hướng dẫn vận dụng đơn giá cây trồng để lập phương án bồi thường, GPMB)	Cây	3.00	59,000	100%	177,000

TT	TÊN CHỦ HỘ VÀ NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN
	- Chuối	bụi	-			-
	+ Chuối trưởng thành	Cây	5.00	80,000	100%	400,000
	+ Chuối cây con	Cây	5.00	45,000	100%	225,000
	- Tre nửa 5 năm	bụi	2.00	170,000	100%	340,000
	- Diện tích đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác bị thu hồi thửa số 1 tờ bản đồ số 11	m2	142.90	16,060	100%	2,294,974
	- Bồi lời 7 năm	Cây	7.00	14,000	100%	98,000
	- Hỗ trợ chênh lệch về đơn giá bồi thường cây bồi lời giữa Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND và Quyết định số 35/2018/QĐ-UBND theo Văn bản 1322/UBND-NNTN ngày 31/5/2019 của UBND tỉnh Kon Tum.	Cây	7.00	86,000	100%	602,000
	- Sung 7 năm (vận dụng cây tầm ruột, mục 53, Quyết định số 35/2018/QĐ-UBND ngày 22/12/2018 của UBND tỉnh Kon Tum)	Cây	1.00	242,000	100%	242,000
	<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>1,087,696,687</b>

NGƯỜI LẬP



Hà Kim Toàn

GIÁM ĐỐC




Đặng Thị Trang